TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2024/HSST
Ngày 22-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Minh.

Ông Nguyễn Việt Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau *tham gia phiên tòa:* Ông Hồ Thanh Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Trương Nhật T, sinh năm 1997 tại Cà Mau; Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn G và bà Phạm Thanh H; Vợ: Ông Thị H1, sinh năm 2000 (đã ly hôn) và con: 01 người (sinh năm 2018); Tiền án: 01 (Bị xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự theo bản án số: 246/2022/HS-ST ngày 14/6/2022 của Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai; chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/11/2022; án phí hình sự đã nộp 30.000 đồng, còn lại 170.000 đồng chưa nộp), tiền sự: 01 (Bị xử phạt 8.000.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích và sử dụng trái phép chất ma tuý theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 38/QĐ-XPHC ngày 28/4/2023 của Công an huyện C, tỉnh Cà Mau; chưa thực hiện xong quyết định); Nhân thân: Có 01 tiền án chưa được xoá án tích, 01 tiền sự chưa chấp hành xong quyết định; Bị bắt tạm giữ từ ngày 17/02/2024 đến ngày 26/02/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. (Có mặt).

- *Bị hại:* Anh **Bùi Thanh T1**, sinh năm 2004. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông **Bùi Văn M**, sinh năm 1982. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 07/02/2024 bị cáo T đến Tiệm G1 ở khóm I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau để chơi game; đến khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày anh Bùi Thanh T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xám – xanh, biển kiểm soát 69N1 – 452.53 đến Tiệm G1 để chơi game. Anh T1 đậu xe tại Tiệm G1 nhưng không rút chìa khoá xe, trên xe có 03 nón bảo hiểm. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày bị cáo T nghỉ chơi game, khi ra về đến chỗ đậu xe thì thấy xe của anh T1 có cắm sẵn chìa khoá trên xe và không có người trông coi, nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm xe của anh T1 đem bán lấy tiền chi xài cá nhân, nhưng lúc này bị cáo chưa dám thực hiện vì sợ bị phát hiện, nên tiếp tục trở lại chơi game, chơi được khoảng 05 phút thì bị cáo tiếp tục xuống chỗ anh T1 đậu xe lấy nón bảo hiểm đội lên đầu rồi điều khiển xe của anh T1 đi đến thành phố Hồ Chí Minh bán cho một nam thanh nhiên (không rõ nhân thân và lai lịch) với giá 5.000.000 đồng và chi xài cá nhân hết. Sau khi phát hiện mất trộm xe thì anh T1 trình báo đến Công an thị trấn T. Đến ngày 17/02/2024 bị cáo T được gia đình động viên và đến Công an huyện T đầu thú.

Đồ vật thu giữ: Của bị cáo 01 áo sơ mi ngắn tay màu đen (áo có 02 túi hai bên ngực); 01 quần Jean dài màu đen; 01 nón kết màu xám – đen, trên nón có lô gô hình tròn; 01 đôi dép lào (dép có quay màu đen, nền dép màu đỏ - trắng). Các đồ vật hiện nay Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời đang quản lý (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/4/2024).

Gia đình bị cáo đã nộp bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng (theo biên lai thu tiền số: 0001062 ngày 20/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời).

Tại kết luận định giá số: 09/KL-ĐGTS ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng định giá thuộc Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xám – xanh, biển kiểm soát 69N1 – 452.53 trị giá 19.142.400 đồng.

Từ những nội dung trên bản cáo trạng số: 44/CT-VKS ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Trương Nhật T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội theo như nội dung bản cáo trạng truy tố. Bị cáo thống nhất với kết luận định giá đối với xe bị cáo lấy trộm của anh T1. Bị cáo đồng ý bồi thường tiếp cho anh T1 số tiền 19.142.400 đồng. Bị cáo yêu cầu nhận tại các đồ vật bị thu giữ.

Quá trình điều tra và tại phiên toà bị hại T1, khai: Xe của bị mất trộm mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xám – xanh, biển kiểm soát 69N1 – 452.53 là của anh T1 mượn của cha ruột Bùi Văn M. Nay yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe là 19.142.400 đồng; về trách nhiệm hình sự yêu cầu xem xét theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên toà ông M, khai: Xe của bị mất trộm mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xám – xanh, biển kiểm soát 69N1 – 452.53 là của ông cho con ruột Bùi Thanh T1 mượn. Nay ông không có yêu cầu gì trong vụ án, quyền yêu cầu là của anh T1.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Hành vi phạm tội của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, do đó giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trương Nhật T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt đối với bị cáo Trương Nhật T mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận việc bồi thường giữa bị cáo và bị hại số tiền 19.142.400 đồng, đối trừ số tiền 2.000.000 đồng gia đình bị cáo đã nộp, buộc bị cáo bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 17.142.400 đồng. Về xử lý các đồ vật thu giữ của bị cáo, đề nghị trả lại cho bị cáo.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời nói sau cùng bị cáo thấy hối hận về hành vi phạm tội của bị cáo, xin được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Cà Mau, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận vào khoảng 14 giờ ngày 07/02/2024 tại Tiệm G1 ở khóm I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau trong lúc nghỉ chơi game khi ra về đến chỗ đậu xe thì thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xám – xanh, biển kiểm soát 69N1 – 452.53 của anh T1 có cắm sẵn chìa khoá trên xe và không có người trông coi, nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm xe của anh T1 đem bán lấy tiền chi xài (nhưng lúc này bị cáo chưa dám thực hiện vì sợ bị phát hiện) nên tiếp tục trở lại chơi game, chơi được khoảng 05 phút thì bị cáo xuống chỗ anh T1 đậu xe lấy nón bảo hiểm đội lên đầu rồi điều khiển xe của anh T1 đi đến thành phố Hồ Chí Minh bán cho một nam thanh nhiên (không rõ nhân thân và lai lịch) với giá 5.000.000 đồng và chi xài cá nhân hết. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Tài sản là xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xám – xanh, biển kiểm soát 69N1 – 452.53 mà bị cáo chiếm đoạt, được kết luận có giá trị 19.142.400 đồng. Việc phạm tội của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp; trước, trong và sau

khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực và độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của bị cáo gây ra.

Từ những phân tích, lập luận, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Trương Nhật T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[3.1] Hành vi phạm tội của bị cáo ít nghiêm trọng, nhưng đã gây mất trật tự trị an ở địa phương, bị cáo biết được tài sản hợp pháp của người khác là bất khả xâm phạm, nhưng do lòng tham và muốn có tiền chi xài, nên khi phát hiện xe của anh T1 không có người trông coi thì bị cáo nảy sinh ý định và thực hiện hành vi lấy trộm bán lấy tiền chi xài cho mục đích cá nhân.

[3.2] Hành vi của bị cáo đã gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân, khi tài sản của họ sẽ bị chiếm đoạt bất cứ lúc nào với những hành vi tương tự như hành vi của bị cáo. Tình hình tội phạm về tội trộm cắp tài sản nói riêng và các loại tội phạm khác nói chung hiện nay ngày càng gia tăng và diễn biến hết sức phức tạp trên địa bàn huyện T, tỉnh Cà Mau. Nhằm đảm bảo công tác đấu tranh và phòng chống đối với các loại tội phạm có hiệu quả, thì cần xử lý nghiêm đối với hành vi phạm tội của bị cáo, để nhằm mục đích răn đe chung trong toàn xã hội.

[3.3] Tuy nhiên, khi xem xét mức hình phạt đối với bị cáo thì cũng cần cân nhắc và xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thì thấy rằng bị cáo có nhân thân xấu; nhưng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện tác động giá đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị cáo, ông bà nội bị cáo là người có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được Hội đồng xét xử áp dụng khi lương hình đối với bị cáo để thể hiện được tính khoan hồng của pháp luật trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay của nhà nước ta. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo đã bị kết án trong thời gian chưa được xoá án tích và phạm tội lần này do lỗi có ý, nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau đối với bị cáo Trương Nhật T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Trương Nhật T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nên chấp nhận và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều

kiện cải tạo và sửa đổi bản thân để trở thành một người công dân tốt cho gia đình và xã hội, sau khi tái hòa nhập lại với cộng đồng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà bị cáo và bị hại thống nhất thoả thuận mức tiền bồi thường là 19.142.400 đồng, xét thấy việc thoả thuận là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật, nên cần ghi nhận và đối trừ số tiền 2.000.000 đồng gia đình bị cáo đã nộp trước, buộc bị cáo bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 17.142.400 đồng là đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự.

[6] Về xử lý đồ vật thu giữ: Các tài sản của bị cáo gồm 01 áo sơ mi ngắn tay màu đen (áo có 02 túi hai bên ngực); 01 quần Jean dài màu đen; 01 nón kết màu xám – đen, trên nón có lô gô hình tròn; 01 đôi dép lào (dép có quay màu đen, nền dép màu đỏ - trắng), bị cáo yêu cầu nhận lại xét thấy không liên quan đến việc phạm tội nên trả cho bị cáo theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên tổng số tiền bồi thường cho bị hại theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, d khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trương Nhật T** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trương Nhật T **01** (một) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 17/02/2024 (ngày bắt tạm giữ bị cáo).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trương Nhật T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại anh Bùi Thanh T1 tổng số tiền 17.142.400 đồng.

Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

Bị hại anh Bùi Thanh T1 được nhận số tiền 2.000.000 đồng (theo biên lai thu tiền số: 0001062 ngày 20/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau).

3. Về xử lý đô vật thu giữ: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả cho bị cáo 01 áo sơ mi ngắn tay màu đen (áo có 02 túi hai bên ngực); 01 quần Jean dài màu đen; 01 nón kết màu xám – đen, trên nón có lô gô hình tròn; 01 đôi dép lào (dép có quay màu đen, nền dép màu đỏ - trắng).

Các đồ vật hiện nay Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau đang quản lý (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/4/2024).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trương Nhật T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Buộc bị cáo Trương Nhật T phải nộp án phí dân sư sơ thẩm có giá ngạch 857.120 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo toàn bộ bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CQCSĐT Công an huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Lợi An;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Huỳnh Hải